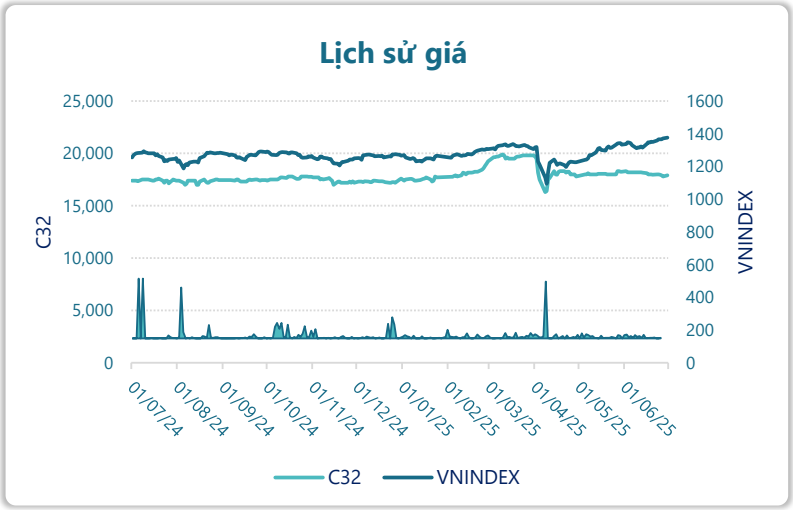
FireAnt

CTCP Đầu tư và Xây dựng 3-2 (HSX: C32)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,300
SL cổ phiếu LH	15,029,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)	52,495
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	269
P/E	55.1
EPS	325

DT thuần

Q2/25

128

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 53.4| 71.8%

YoY: ▼63.0| -32.9%

LN sau thuế

Q2/25

-5.95

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.48| -489%

YoY: ▼11.6| -205%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-2.8%

+/- YoY: ▼ 7.4%

DT thuần

6T 2025

203

tỷ VNĐ

YoY: ▼151| -42.8%

LN sau thuế

6T 2025

-4.41

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.01| -375%

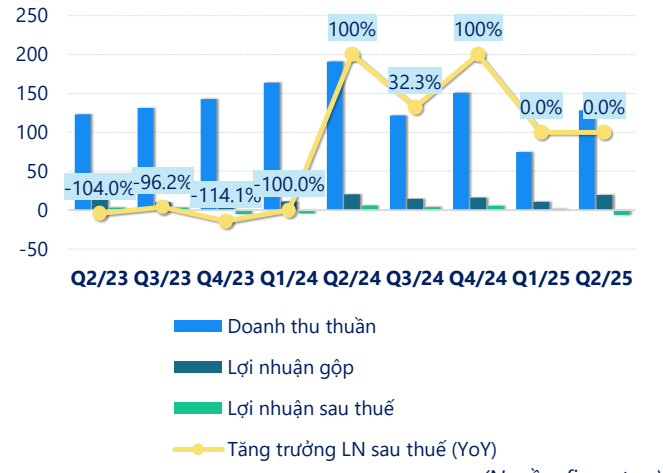
ROE

Q2/25

0.9%

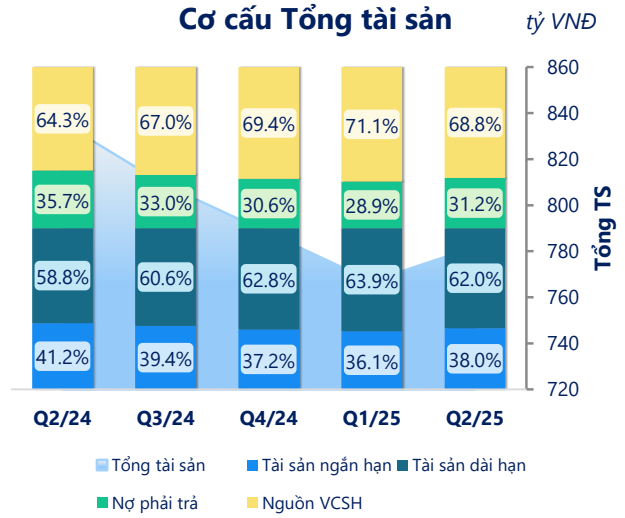
+/- YoY: ▲ 1.0%

Kết quả kinh doanh



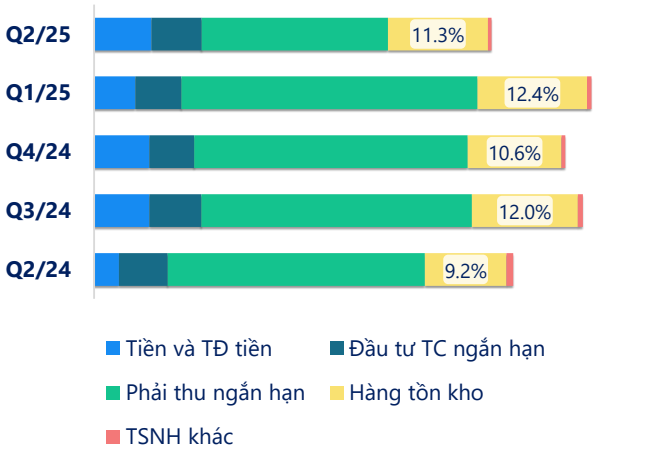
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



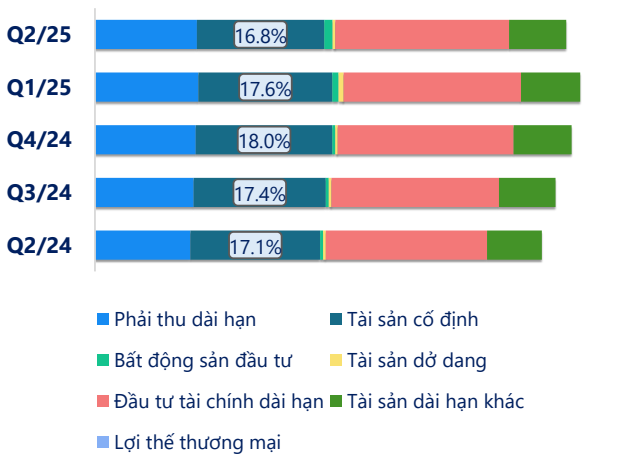
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



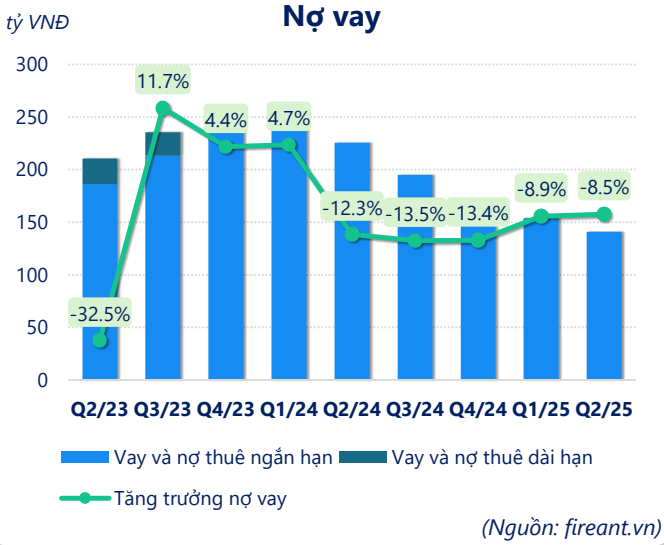
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



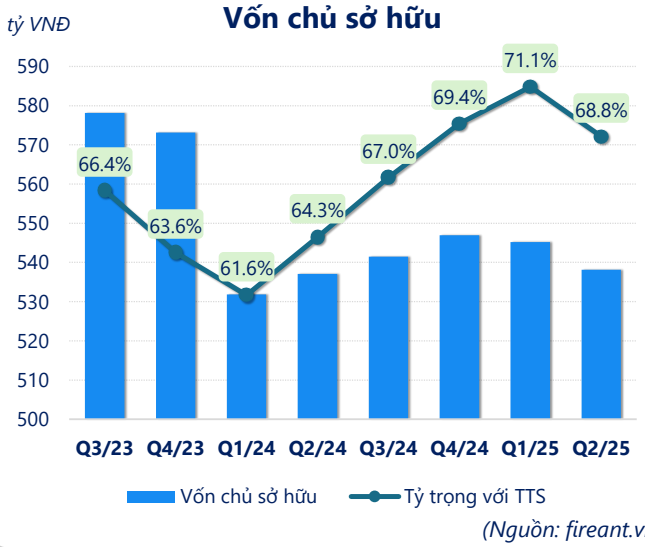
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



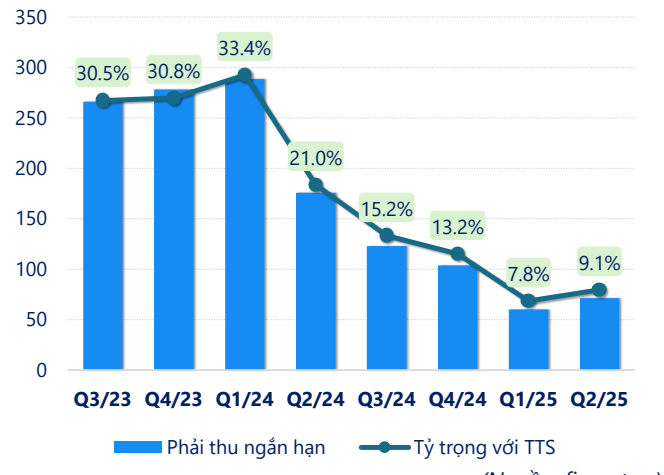
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



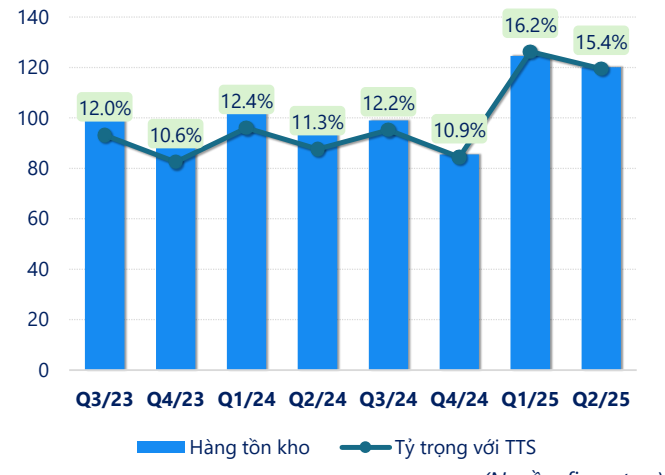
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



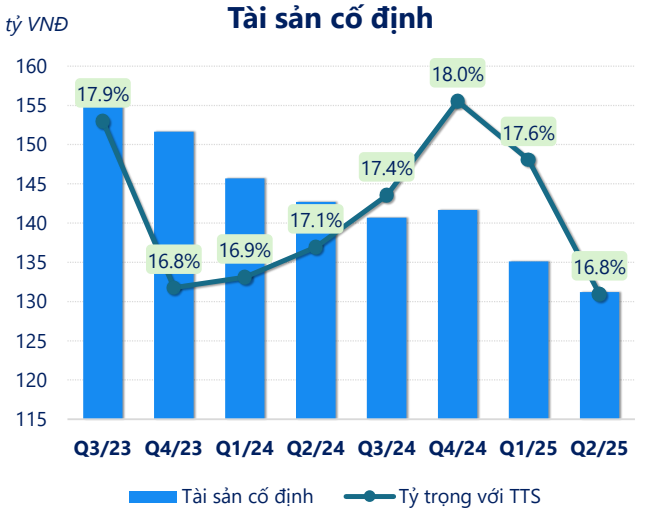
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



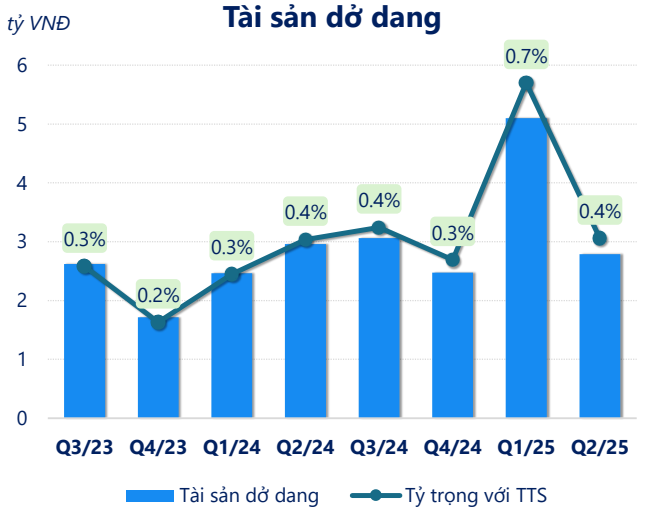
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



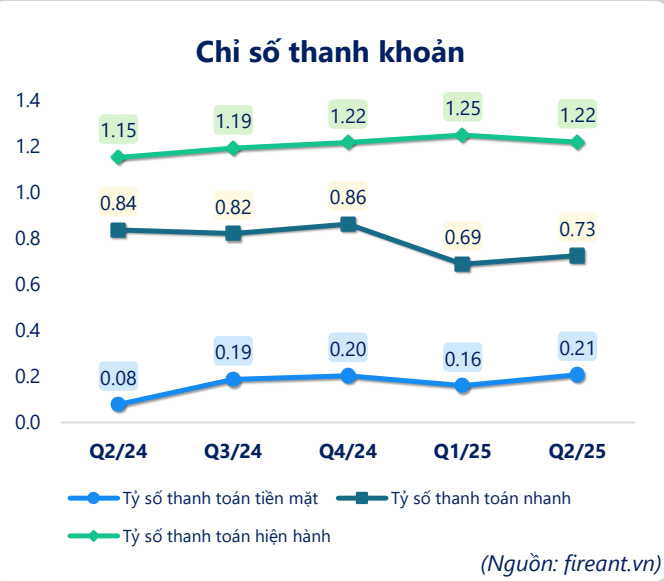
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



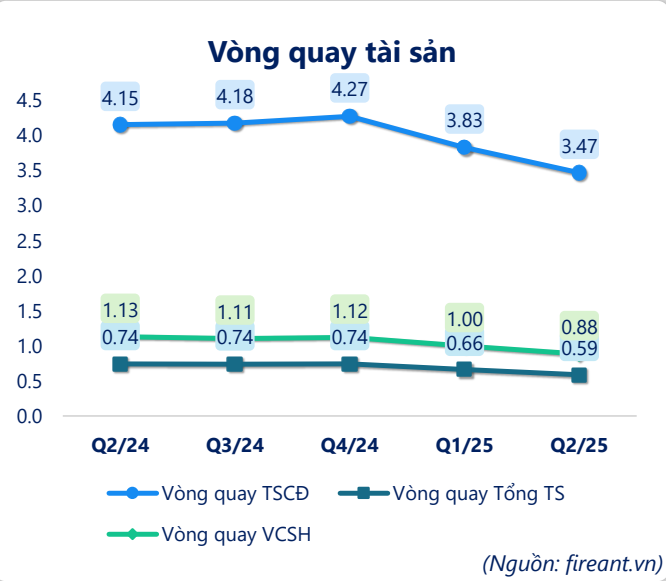
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**836**	**809**	**788**	**767**	**782**
Tài sản ngắn hạn	**344**	**319**	**293**	**277**	**297**
Tiền và tương đương tiền	23.5	50.3	49.1	35.6	50.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.4	44.0	50.7	50.3	49.7
Phải thu ngắn hạn	176	123	104	60.1	71.2
Hàng tồn kho	94.2	98.9	85.6	125	120
Tài sản ngắn hạn khác	3.43	2.27	4.30	6.64	5.19
Tài sản dài hạn	**492**	**490**	**495**	**490**	**485**
Phải thu dài hạn	105	105	105	105	105
Tài sản cố định	143	141	142	135	131
Bất động sản đầu tư	3.08	2.98	2.88	6.15	8.63
Tài sản dở dang	2.96	3.06	2.48	5.10	2.79
Đầu tư tài chính dài hạn	177	178	183	179	179
Tài sản dài hạn khác	60.4	60.2	60.2	59.8	58.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**299**	**267**	**241**	**222**	**244**
Nợ ngắn hạn	**299**	**267**	**241**	**222**	**244**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	226	195	169	154	141
Phải trả người bán ngắn hạn	22.3	14.2	16.4	14.5	15.2
Nợ dài hạn	0.04	0	0	0.04	0.04
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**537**	**541**	**547**	**545**	**538**
Vốn chủ sở hữu	**537**	**541**	**547**	**545**	**538**
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)